TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PA** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 03/8/2022
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Pep
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phan Thị Chương
2. Ông Nguyễn Đình Nhung

-*Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Giang– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2022/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc*" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1982
Nơi cư trú: Thôn Suối Cẩm, xã Chư Drăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
2. Bị đơn: Anh Trương Trọng H, sinh năm 1977
Nơi cư trú: Thôn Suối Cẩm, xã Chư Drăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Chị Hoàng Thị Loan và anh Trương Trọng Hùng đều có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Loan trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1999, chị và anh Trương Trọng H có tìm hiểu, quen nhau và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Cần, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/6/1999. Trong quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2018 cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không có tiếng nói chung và những mẫu thuẫn ấy càng ngày càng gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của vợ chồng có rất nhiều bất đồng không thể giải quyết được, chị đã cố gắng chịu đựng và các bên cố gắng hàn gắn

nhưng không được, chị và anh H đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Trương Trọng H trước pháp luật.

Về con: Chị và anh H có 02 con chung là Trương Thị Ph, sinh ngày 08/12/2000 và Trương Trọng M, sinh ngày 15/7/2006. Khi ly hôn, tùy theo nguyện vọng của cháu M, nếu cháu muốn ở với anh H thì tôi giao cháu M cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và ngược lại; còn đối với cháu Ph đã lớn và có gia đình riêng tôi không yêu cầu gì nữa.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trương Trọng H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2022 anh Hùng trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L lấy nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã có với nhau 02 con chung là Trương Thị Ph, sinh ngày 08/12/2000 và Trương Trọng M, sinh ngày 15/7/2006 như chị L trình bày là đúng sự thật. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng gần đây có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, nay chị L làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý với yêu cầu của chị L.

Về con: anh và chị L có 02 con chung là Trương Thị Ph, sinh ngày 08/12/2000 và Trương Trọng M, sinh ngày 15/7/2006. Khi ly hôn anh yêu cầu được giao cho anh người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trương Trọng M sinh ngày 15/7/2006 cho đến khi cháu lớn, tự lập được cuộc sống của mình. Còn cháu Ph đã lớn, trưởng thành nên anh không đề cập nữa.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án;

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng các Điều 4, 5, 6, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35;khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS và các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Hoàng Thị L và anh Trương Trọng H được ly hôn trước pháp luật.

- *Về con:* Giao con chung Trương Trọng M sinh ngày 15/7/2006 cho anh Trương Trọng H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- *Về cấp dưỡng:* Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

-*Về án phí* : Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Trương Trọng Hùng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập…theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Hùng không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; ở giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh Hùng đã có đơn xin được xét xử vắng mặt và chị Loan cũng có đơn xin được xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như trong đơn xin được xét xử vắng của nguyên đơn và bị đơn để quyết định. Các đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Trương Trọng H đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phú Cần, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/6/1999. Việc kết hôn của chị Hoàng Thị L và anh Trương Trọng H đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của chị Loan và anh Hùng là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt. Hiện tại chị Hoàng Thị L và anh Trương Trọng H đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Tại văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân tại thôn trưởng thôn Suối Cẩm, xã Chư Drăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 01/3/2022 thì được biết cuộc sống chung của chị Loan, anh H hay xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp; anh H không lo làm ăn, thường xuyên đánh đập, chửi bới vợ.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh H đã mâu thuẫn mức độ trầm trọng,đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị L là chính đáng và có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L, xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Trương Trọng H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con: Chị Hoàng Thị L và anh Trương Trọng H có 02 con chung là Trương Thị Ph, sinh ngày 08/12/2000 và Trương Trọng M, sinh ngày 15/7/2006. Khi ly hôn chị Hoàng Thị L có yêu cầu giao con chưa thành niên là cháu M cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Xét đây cũng là mong muốn của anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên và cũng là ý kiến nguyện vọng của cháu M tại biên bản ghi ý kiến ngày 31/3/2022, do đó cần giao cháu M cho anh Hùng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận; còn cháu Ph đã trường thành, tự lập được cuộc sống của mình nên Tòa án không xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị Loan phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Trương Trọng H trước pháp luật.

- *Về con:* Giao con chung Trương Trọng M, sinh ngày 15/7/2006 cho anh Trương Trọng H được trực tiếp trôm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- *Về cấp dưỡng:* Chị Hoàng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh Trương Trọng H.

Sau khi ly hôn chị L được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu chị L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Loan.

Anh H cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Loan trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-*Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004858 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Hoàng Thị Loan đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Hoàng Thị L và anh Trương Trọng H có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Thành viên hội đồng xét xử - Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Nhung - Phan Thị Chương Ksor Pep